UED Journal of Social Sciences, Humanities & Education, ISSN: 1859 - 4603
https://doi.org/10.47393/jshe.vol16.i1.4142

TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI, NHÂN VĂN VÀ GIÁO DỤC

NHỮNG ĐỐI CỰC ĐÔ THỊ TRONG TIỂU THUYẾT J-M. G. LE CLÉZIO

Lê Nguyễn Nguyên Thảo
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP.HCM
Tác giả liên hệ: Lê Nguyễn Nguyên Thảo - Email: lenguyennguyenthao2908@gmail.com
Ngày nhận bài: 29-5-2026; ngày nhận bài sửa: 21-6-2026; ngày duyệt đăng: 25-6-2026

Tóm tắt: Đô thị là một hình tượng hàm chứa những đối cực sâu sắc trong tiểu thuyết của J-M.G. Le Clézio, song tiếp cận đô thị như một hình tượng đặc thù trong sáng tác của nhà văn hiện còn hạn chế. Vận dụng khung lý thuyết liên ngành từ xã hội học đô thị (Simmel, Bauman), địa lý nhân văn (Tuan, Augé) và triết học thực hành (de Certeau), bài viết khảo sát bốn tiểu thuyết của Le Clézio đã được dịch sang tiếng Việt - *Sa mạc*, *Điệp khúc cơn đói*, *Người đàn bà không danh tính*, *Bitna dưới bầu trời Seoul* - để làm rõ những đối cực trong quan hệ xã hội, căn cước và thực hành sinh tồn của con người đô thị. Kết quả cho thấy đô thị vừa mở ra kết nối mới vừa gây đứt gãy quan hệ; nền quan hệ lỏng lẻo ấy khiến chủ thể rơi vào tình trạng tạm bợ về căn cước nhưng cũng trao cho họ cơ hội tự do tái định hình bản thân; và trong sinh tồn thường nhật, họ vừa tuân thủ logic duy lý của đô thị vừa tìm khoảng trống để kháng cự. Bài viết góp phần mở ra một hướng tiếp cận mới đối với sáng tác Le Clézio, đồng thời cho thấy tính thời sự trong nhãn quan đô thị của ông.

Từ khóa: đối cực đô thị; quan hệ xã hội đô thị; căn cước đô thị; sinh tồn đô thị; Le Clézio.

1. Dẫn nhập

Năm 2008, trong lời vinh danh dành cho Le Clézio - người thắng giải Nobel Văn chương, Viện Hàn lâm Thụy Điển gọi ông là "*tác giả của những điểm khởi đầu mới, của cuộc phiêu lưu đầy chất thơ và những trạng thái xuất thần của cảm xúc; người khám phá một nhân loại nằm ẩn sâu và bên ngoài nền văn minh đang ngự trị*" (Nobel Prize Outreach, 2026). Tiếp nhận Le Clézio ở Việt Nam đến nay thường chú trọng những cuộc phiêu lưu này. Công trình quy mô nhất về ông là luận án "Những cuộc hành trình trong tiểu thuyết của Jean-Marie Gustave Le Clézio" của Nguyễn (2006). Luận án hệ thống hóa, phân loại, phân tích bản chất của những cuộc hành trình, cho thấy cách chúng phản ánh những vấn đề số phận con người và bức xúc của xã hội hiện đại trong tiểu thuyết Le Clézio. Đô thị thường là điểm bắt đầu của các cuộc hành trình, được nghiên cứu như là không gian tâm lý, nhưng cách đời sống đô thị vận hành lại chưa được đi sâu khám phá. Vấn đề không gian trong tiểu thuyết Le Clézio tiếp tục được Nguyễn (2010) đề cập qua bài báo "Những đổi mới kỹ thuật miêu tả không gian tiểu thuyết Pháp hiện đại", đăng tạp chí Tạp chí Khoa học ĐHQG Hà Nội: Ngoại ngữ. Tác giả chỉ ra trong thời kỳ sáng tác từ 1969 đến 1975 của ông, không gian chủ đạo là không gian viễn du. Nhân vật xuất phát từ thành phố phương Tây, một thứ "đô thị chết chóc", để tìm giải thoát. Mục tiêu đó đã tạo nên những không gian được hình thành trên các cực đối lập: Không gian cội nguồn và phi cội nguồn, lần lượt gắn liền với ánh sáng và bóng tối. Hình tượng đô thị mặc dù được đề cập nhưng chỉ ở mức độ khái quát: Đô thị được nhìn như một động lực thúc đẩy hành trình tìm kiếm sự giải thoát, chưa được khai thác ở chiều kích quan hệ xã hội, căn cước hay thực hành sinh tồn của con người đô thị.

Về hình tượng nhân vật trong sáng tác của Le Clézio, có hai công trình liên quan, đều là các luận văn nghiên cứu so sánh được thực hiện tại Đại học Thái Nguyên, gồm "Hình tượng người phụ nữ trong truyện ngắn của

Cite this article as: Le, N. N. T. (2026). Urban Polarities in the Novels of J-M. G. Le Clézio. *UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education*, *16*(01), 163-170. https://doi.org/10.47393/jshe.vol16.i1.4142

Nguyễn Ngọc Tư và Le Clezio" của Triệu (2017) và "Kiểu nhân vật cô đơn lạc loài trong tiểu thuyết *Sông* của Nguyễn Ngọc Tư và tiểu thuyết *Sa mạc* của Le Clézio" của Nguyễn (2018). Dù chạm đến cảm thức "cô đơn lạc loài", điều tương đối gần với tình trạng quan hệ xã hội, hai luận văn đều chú trọng đặt vấn đề trong khung so sánh hơn là hệ thống hóa trên các phương diện cụ thể, yếu tố đô thị cũng chưa được chú trọng. Với đặc trưng thi pháp, có các luận văn "Nghệ thuật tự sự trong Sa mạc của J-M.G. Le Clézio" của Hoàng (2014) và "Đặc điểm của tiểu thuyết viễn du trong tiểu thuyết Sa mạc của J-M.G. Le Clézio" của Trần (2019), đều ở Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQG Hà Nội. Hai công trình đề cập không gian hoặc như một thành tố thi pháp hoặc như một bối cảnh viễn du, nhưng đều chưa khai thác đời sống của nhân vật trong không gian ấy. Ở nước ngoài, tên tuổi Le Clézio đặc biệt gắn với chủ nghĩa hậu thực dân dù bản thân nhà văn hiếm khi đề cập đến các "trường phái" sang tác. Công trình tiêu biểu về ông từ góc nhìn này là *The Fiction of J-M.G. Le Clézio - A Postcolonial Reading* của Bronwen Martin (2012).

Những cuộc phiêu lưu đầy chất thơ và nhân loại ẩn sâu là chủ đề phổ biến của Le Clézio, nhưng nền văn minh đang ngự trị, mà đô thị hiện đại là gương mặt đại diện, cũng khiến ông bận tâm không kém. Điều này thể hiện qua hình tượng đô thị trở đi trở lại trong nhiều sáng tác của ông, từ các tác phẩm trong giai đoạn đầu tiên như *Sa mạc* (xuất bản lần đầu năm 1980), *Điệp khúc cơn đói* (2008) đến nhiều tác phẩm sau này như *Người đàn bà không danh tính* (2014), *Bitna dưới bầu trời Seoul* (2018). Tuy nhiên, tiếp cận hình tượng đô thị và đời sống đô thị trong tiểu thuyết Le Clézio hiện còn hạn chế. Dưới ngòi bút của ông, đời sống đô thị hiện lên với những đối cực sâu sắc trên nhiều phương diện như quan hệ xã hội, căn cước và thực hành sinh tồn của con người trong đó; mỗi đối cực có cơ chế riêng, cùng kiến tạo nên trải nghiệm hiện sinh phức tạp của chủ thể. Nghiên cứu những đối cực đô thị trong tiểu thuyết của Le Clézio vì thế sẽ đóng góp đáng kể cho việc tiếp nhận sáng tác của nhà văn. Không chỉ làm rõ một cách nhìn đô thị phức tạp, nó còn cho thấy tính thời sự của nhãn quan này: Le Clézio đã chạm vào những vấn đề lớn của đô thị thế kỷ XXI như toàn cầu hóa, di cư, nỗi cô đơn, những trải nghiệm hiện sinh đứt gãy.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu đô thị như một lĩnh vực học thuật định hình rõ nét từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, gắn với việc thành lập khoa Xã hội học Đại học Chicago năm 1892 (Bulmer, 1984). Đây cũng là giai đoạn Georg Simmel công bố tiểu luận "The metropolis and mental life" (1903), công trình đặt nền tảng cho cách nhìn đô thị không chỉ như một thực thể vật lý mà còn như một cơ chế định hình tâm lý và quan hệ xã hội của con người. Tinh thần này tiếp tục được mở rộng và tái diễn giải qua nhiều thế hệ sau như Yi-Fu Tuan (1977) với cách phân biệt không gian - địa điểm, Michel de Certeau (1980) với những ý niệm về chiến thuật của kẻ yếu trong không gian bị kiểm soát, Marc Augé (1992) với ý niệm phi-nơi chốn gắn liền với tính hiện đại, hay Zygmunt Bauman (2000) với những cộng đồng tạm. Các lý thuyết này, dù khác nhau về cơ sở và tiêu điểm lý giải, đều gặp gỡ trong quan điểm rằng đời sống đô thị của con người luôn vận hành trên những đối cực nội tại, không thể quy giản về một chiều duy nhất. Đây cũng là khung lý thuyết cơ bản mà bài viết vận dụng để phân tích các đối cực đô thị trong tiểu thuyết Le Clézio.

Là người đặt nền tảng sớm nhất, Simmel cũng là người đưa ra các luận điểm trực tiếp nhất về tính đối cực của đời sống đô thị. Với "The metropolis and mental life", ông nêu ra nhiều vấn đề quan trọng như sự thờ ơ đô thị (*blasér attitude*), mối quan hệ giữa nền kinh tế tiền tệ và tư duy duy lý, tính chất "thế giới" (*cosmopolitan*) của đô thị. Theo Simmel, thờ ơ đô thị là cơ chế tự vệ trước những kích thích thần kinh dồn nén và tương phản liên tục của đời sống đô thị. Nền kinh tế tiền tệ đã được nội tâm hóa càng gia cố cơ chế này. Kinh tế tiền tệ và tư duy logic chia sẻ một thái độ duy lý, thực tế trong cách ứng xử; thái độ ấy thường đi kèm với sự lạnh lùng, thiếu quan tâm. Các đô thị lớn, qua sự mở rộng các quan hệ kinh tế - xã hội vượt khỏi ranh giới vật lý, đã tạo ra một dạng tự do cá nhân đặc thù. Đó là sự độc lập mà con người đô thị có được khi thoát khỏi những ràng buộc của cộng đồng nhỏ, nhưng phải trả giá bằng cảm giác xa cách và cô đơn ngay giữa đám đông (Simmel, 1903/1950).

Bổ sung cho quan điểm của Simmel, Bauman (2000) cho rằng logic tổ chức lao động theo hướng bấp bênh có chủ ý của những nhà điều hành thị trường đã góp phần tác động đến triết lý sống của cư dân đô thị, tạo ra "*sự rệu rã*

và phân rã của các mối ràng buộc giữa người với người, của các cộng đồng và các mối quan hệ đối tác" (p.163). Trong khi đó, Tuan (1977, p.6) phân biệt không gian và địa điểm dựa trên khả năng hiểu và gán nghĩa của chủ thể; một không gian chỉ trở thành địa điểm nếu chủ thể hiểu nó hơn và bắt đầu gán được cho nó những giá trị tinh thần. Tương tự, Augé (1992/1995) phân biệt nơi chốn và phi-nơi chốn: Nơi chốn là không gian có tính quan hệ, lịch sử và bản sắc, nơi cư dân sinh sống và nhận biết lẫn nhau (Augé, 1992/1995, p.51), trong khi phi-nơi chốn là không gian được tạo ra cho các mục đích cụ thể như vận tải, quá cảnh, thương mại, giải trí, và không gian đô thị chủ yếu là các phi-nơi chốn (Augé, 1992/1995, p.77-78). Nguy cơ phân rã các mối quan hệ hay tình trạng phi-nơi chốn đều mang tính hai mặt, vừa tạm bợ bất an vừa là cơ hội để chủ thể dứt bỏ những ràng buộc, tìm thấy tự do.

Về khía cạnh sinh tồn của con người đô thị, de Certeau nêu vấn đề chiến thuật sinh tồn (*tactics*) cá nhân. Chiến thuật là hành động của kẻ yếu - kẻ không có nơi chốn riêng, buộc phải tồn tại trong không gian của kẻ khác (de Certeau, 1980/1984, p.37). Nghịch lý của chiến thuật thể hiện ở tình thế tồn tại không tách rời với chính hệ thống quy luật chủ đạo mà nó kháng cự. Nó sinh ra từ hệ thống ấy, hiện diện ngay bên trong những kẽ hở của hệ thống, để chống lại chính hệ thống. Trong mỗi chiến thuật hàm chứa đồng thời hai đối cực, tuân thủ lẫn kháng cự. Những chiến thuật kháng cự phổ biến được de Certeau nhắc đến là *la perruque*, tức làm việc riêng ở nơi làm việc (de Certeau, 1980/1984, p.25) hay đi bộ trong thành phố, khi con người tái chiếm lĩnh không gian, tạo ra những ý nghĩa riêng thông qua các quỹ đạo di chuyển (de Certeau, 1980/1984, p.97). Đó là những chiến thuật chuyển hướng giúp cá nhân có thể khẳng định sự tự do và bản sắc ngay trong hệ thống kinh tế kỹ trị áp bức.

Dựa trên các lý thuyết trên đây, bài viết thiết lập mô hình tiếp cận đời sống con người đô thị trong tiểu thuyết Le Clézio trên ba phương diện gồm quan hệ xã hội, căn cước và thực hành sinh tồn. Dù cùng góp phần khắc họa tính phức tạp của trải nghiệm đô thị, mỗi phương diện mang một cơ chế đối cực riêng, được soi sáng bởi một nhóm lý thuyết riêng. Cụ thể, lý thuyết về sự thờ ơ đô thị của Simmel (1903/1950) và cộng đồng tạm của Bauman (2000) soi sáng cơ chế hình thành và tan rã của các quan hệ xã hội đô thị; quan niệm về đô thị như là không gian điển hình của chủ nghĩa thế giới của Simmel (1903/1950), kết hợp với lối phân biệt không gian - địa điểm của Tuan (1977) và nơi chốn - phi-nơi chốn của Augé (1992/1995), được dùng để phân tích tính chất tạm bợ nhưng cởi mở của đô thị; các khái niệm chiến thuật và làm việc riêng ở nơi làm việc của de Certeau (1980/1984) làm cơ sở để làm rõ trạng thái áp chế và khoảng trống của quy luật sinh tồn đô thị, nơi nhân vật kháng cự để tồn tại. Các khái niệm đô thị học hay xã hội học được vận dụng như công cụ đọc văn bản văn học, theo tinh thần tương tự xã hội học văn học, hơn là kiểm chứng lý thuyết đô thị học bằng chất liệu văn học. Đối tượng trung tâm của bài viết, do đó, vẫn là văn bản tiểu thuyết Le Clézio với những đối cực của đời sống đô thị được thể hiện trong đó. Những đối cực ấy, dù xuất phát từ những cơ chế khác nhau, đều cùng quy chiếu về một điểm: Trải nghiệm hiện sinh của con người đô thị trong tiểu thuyết Le Clézio luôn là kết quả của một sự thương lượng liên tục giữa các cực đối lập, chứ không bao giờ là một trạng thái ổn định.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết chủ yếu vận dụng phương pháp phân tích văn bản, tập trung khảo sát các đoạn văn miêu tả không gian đô thị và trải nghiệm của nhân vật đô thị trong bốn tiểu thuyết của Le Clézio đã được dịch ra tiếng Việt gồm *Sa mạc*, *Điệp khúc cơn đói*, *Người đàn bà không danh tính* và *Bitna dưới bầu trời Seoul*. Bài viết cũng sử dụng phương pháp liên ngành, kết hợp lý thuyết văn học với các khung lý thuyết địa lý nhân văn (Tuan, Augé), xã hội học đô thị (Simmel, Bauman), triết học thực hành (de Certeau). Ngoài ra, bài viết vận dụng phương pháp so sánh nhằm làm nổi bật tính đối cực như một đặc trưng của hình tượng đô thị trong tiểu thuyết Le Clézio, từ đó luận giải vì sao đô thị với ông có thể vừa áp chế vừa mở ra khả thể tự do, kết nối và tái sinh cho chủ thể.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Quan hệ xã hội đô thị: Kết nối và đứt gãy

Dân số đông, mật độ dân cư cao và những dòng người khắp nơi đổ về là tình trạng chung của đô thị hiện nay, đến nỗi chỉ khoảng 25 năm nữa, hai phần ba nhân loại sống trong các thành phố (Wilson, 2020/2023, p.7). Trong điều kiện ấy, đô thị tất yếu là miền đất của những cơ hội gặp gỡ. Trong *Sa mạc*, Marseille hiện lên với những cộng đồng nhập cư đa dạng. Riêng khu Panier nơi nhân vật Lalla tá túc đã có hơn chục cộng đồng, từ Bắc

Phi đến Nam Âu, Trung Đông. Panier là một "khu phố toàn cầu". Sự đông đúc của Marseille tạo ra hàng loạt cơ hội kết nối. Tình bạn với thằng bé Radicz, mối liên hệ với ông già có khuôn mặt bị ăn mòn, những cuộc trò chuyện với anh chàng da đen vui tính hay cuộc gặp với người chụp ảnh đều là những kết nối mà chỉ Marseille mới có thể đem đến cho Lalla. Trong *Điệp khúc cơn đói*, ở Paris, Alexandre đã lấy được bằng luật sư và xây dựng được một cộng đồng nhỏ trong phòng khách gia đình. Trong *Bitna dưới bầu trời Seoul*, đô thị là nơi Bitna có thể quan sát nhiều người, gặp gỡ những kẻ xa lạ như Frederick hay Salomé, "*người duy nhất quan trọng trong cuộc đời tôi, hơn cả chính bố mẹ tôi, hơn cả Frederick người sẽ không bao giờ có ý nghĩa đối với tôi*" (Le Clézio, 2018/2021, p.212). Những cuộc gặp gỡ đô thị trong tiểu thuyết Le Clézio có khả năng làm biến đổi chính chủ thể. Giữa lòng đô thị, chủ thể liên tục tiếp xúc với những lối sống, những ký ức và số phận khác nhau trong khi bản thân còn chưa tự định hình. Bởi thế, đô thị khiến chủ thể dễ dàng biến đổi, khó tạo lập và duy trì một bản sắc riêng ổn định. Vài người gặp gỡ ở Seoul đã khiến Bitna "*không bao giờ còn có thể là con người như trước kia nữa*" (Le Clézio, 2018/2021, p.212).

Thế nhưng, dồi dào kết nối không đồng nghĩa với dồi dào những mối quan hệ sâu sắc. Đô thị mở rộng cơ hội tiếp xúc giữa các cá nhân, nhưng không bảo đảm hình thành gắn bó bền vững. Giữa rất nhiều người Lalla đã gặp ở Marseille, chỉ Radicz là chia sẻ cùng cô cuộc sống của nó mà thôi. Trạng thái dư thừa có thể tạo hiệu ứng ngược, logic này phù hợp với cả các mối quan hệ. Khi những cuộc gặp gỡ xảy ra liên tục, mỗi cuộc gặp đều dễ dàng mất dần trọng lượng. Khi mọi kết nối đều có thể nhanh chóng bị thay thế bởi một kết nối khác, tính bền vững hay giá trị của các quan hệ giữa người với người mai một dần, tương tự cách những kích thích liên tục tạo ra sự thờ ơ đô thị (Simmel, 1903/1950). Trong nhiều trường hợp, thờ ơ là một cơ chế tự vệ trước tình trạng kích thích liên tục của đời sống hiện đại. Giữa vô số âm thanh, hình ảnh và con người, chủ thể đô thị buộc phải tiết giảm phản ứng cảm xúc để tránh kiệt quệ. Khi năng lực kết nối sâu sắc dần bị bào mòn, những mối quan hệ dễ tan vỡ là hệ quả bất khả kháng.

Đô thị đông đúc nhưng xa lạ. "*Thành phố quá rộng lớn, chắc có đi miết cả triệu ngày cũng chẳng khi nào gặp được cùng một người đến lần thứ hai*" (Le Clézio, 2018/2021, p.14). Sự kết nối tạm thời của những cá nhân xa lạ tạo ra những cộng đồng tạm, hay *cloakroom communities* (Bauman, 2000, p.200). Dựa trên hình ảnh căn phòng gửi đồ, Bauman miêu tả cộng đồng đô thị như những nhóm kết nối dựa trên một mối bận tâm, sở thích hoặc lợi ích nhất thời rồi nhanh chóng tan rã. Nhóm người tụ tập trong phòng khách nhà Brun là một cộng đồng tạm. Khi chiến tranh ập đến, lợi ích chung không còn, cộng đồng tan rã nhanh chóng. "*Những khách mời quen thuộc đều đã bỏ đi, hết người này đến người khác, không một lời giải thích*" (Le Clézio, 2008/2011, p.179). Đô thị Paris trong biến cố đối lập sâu sắc với miền nông thôn Roquebillière, nơi gia đình Ethel được dân làng che chở, "*ở khắp mọi nơi, cửa hàng bánh mì cũng như cửa hàng thịt, người ta đều cho gia đình cô mua chịu*" (Le Clézio, 2008/2011, p.227). Sự đối lập đến từ khác biệt trong cấu trúc cộng đồng. Nếu đời sống nông thôn được duy trì bằng tính ổn định và sự quen biết giữa các cá nhân thì đô thị hiện đại vận hành chủ yếu dựa trên tính lưu động và các quan hệ ngắn hạn, người ta hầu như không có niềm tin chung để chia sẻ và bởi thế khó mà tin tưởng nhau. Rachel và Hakim gặp gỡ ở trung tâm văn hóa Malraux, một cộng đồng tạm xoay quanh sở thích chung là những vở kịch. Trong studio của Salomé là một cộng đồng tạm khác, gồm người nghe chuyện và người kể chuyện, hay thực dụng hơn là người thuê và người được thuê. Tính chất thuê và được thuê cũng thể hiện trong căn hộ của người bác, nơi Bitna được cho ở nhờ nhưng phải coi sóc chị họ và làm việc nhà. Mối quan hệ ruột thịt thực chất chỉ là một quan hệ trao đổi lợi ích.

Với những kẻ yếu thế trôi dạt phải đến đô thị như Lalla hay Rachel, tình trạng đứt gãy và cảm giác lạc loài càng trầm trọng. Họ thuộc về đô thị vật chất, nhưng lạc loài về tinh thần. "Khu phố toàn cầu" Panier gồm những người nhập cư tồn tại cạnh nhau mà hầu như không biết gì về đời sống của nhau. Marseille, đông đúc ồn ào và thiếu vắng thiên nhiên, đã cắt rời Lalla khỏi quê hương tinh thần. Bản thân Lalla và Rachel là những kẻ mất gốc, Lalla mất tổ tiên sa mạc còn Rachel chưa từng biết bố mẹ là ai, và đô thị với tính chất phi quan hệ của nó một lần nữa khuếch đại trạng thái đứt gãy trong họ. Đô thị chấp nhận họ như những nhân công thời vụ, nhưng không cho họ cảm giác thuộc về. Họ hiện diện về mặt vật lý giữa lòng đô thị nhưng không tìm thấy sự gắn kết về nguồn cội, ký ức hay các mối liên hệ tinh thần sâu sắc. Cư trú không đồng nghĩa với thuộc về, đứt gãy là trạng thái thường trực giữa chính những kết nối.

3.2. Căn cước đô thị: Tạm bợ và tự do

Như Augé (1992/1995) chỉ ra, không gian đô thị chủ yếu là các phi-nơi chốn (p.78). Trong tiểu thuyết Le Clézio, phi-nơi chốn hiện lên qua hình ảnh những đại lộ, ga tàu, trạm xe lặp lại liên tục. Trong *Sa mạc*, đó là những đại lộ huyên náo, những nhà ga nơi "*thiên hạ vẫn tiếp tục tới và tiếp tục đi*" (Le Clézio, 1980/2010, p.320). Trong *Bitna dưới bầu trời Seoul*, đó là "*những đại lộ lớn nơi cả một biển ô tô và xe buýt lăn bánh, chạy khắp ngả*" (Le Clézio, 2018/2021, p.11). Những đại lộ, xe buýt và tàu điện ngầm gắn với hầu hết hành động của chủ thể đô thị: Họ cần phương tiện để luân chuyển giữa các địa điểm, nhưng chỉ một lần duy nhất Bitna "*thích ga tàu điện ngầm mới của mình*" (Le Clézio, 2018/2021, p.136). Còn lại, tất cả chỉ là phương tiện. Chúng không được tạo ra để gắn bó. Đến không gian cư trú của các chủ thể đô thị trôi dạt cũng không gợi lên niềm thân mật. Từ căn phòng thuê của người dì đến căn phòng thuê của chính mình, Lalla sống trong nỗi lo lắng bị chủ khách sạn đuổi đi, hoặc bị cảnh sát bắt và trục xuất. Rachel "*lang bạt hầu như khắp mọi nơi, ở Bourg-la-Reine với mấy người bạn [...], rồi với một cô bạn cùng chỗ làm ở tận đầu kia Paris*" (Le Clézio, 2014/2017, p.165)[1]. Còn Bitna, chỉ trong hơn một năm, cô đổi nơi ở ít nhất bốn lần. Bên cạnh những căn phòng thuê, Bitna còn đến căn hộ của Salomé, những quán cà phê hay văn phòng của Youn Ja. Tất cả đều tạm bợ nhất thời, ngay cả trong những mối quan hệ ít nhiều mang màu sắc gắn bó. Thậm chí với Ethel, một cư dân Paris có bất động sản riêng, khu vườn cũng dễ dàng bị thay đổi vì lợi nhuận. Không có những điểm neo, chủ thể đô thị trong tiểu thuyết Le Clézio là những chủ thể lưu động, sẵn sàng dịch chuyển. Đô thị như một trạm quá cảnh nơi mọi chủ thể luôn tồn tại trong trạng thái tạm bợ, sẵn sàng rời đi nếu cần.

Bên cạnh tạm bợ về nơi chốn là tạm bợ về danh tính. Đô thị quá đông người; sự đông đúc cho phép (hoặc gây ra) tình trạng tồn tại cạnh nhau nhưng hầu như không biết gì về nhau. Những phòng khách sạn nơi Lalla dọn dẹp như thể không người, bởi người thuê "*có hiện hữu thật sự đâu [...]. Họ không hiện hữu bởi họ không để lại dấu vết trên lối đi của họ, như thể họ chỉ là những cái bóng, những bóng ma. Ngày nào họ đi thì cũng như thể họ chưa từng tới bao giờ*" (Le Clézio, 1980/2010, p.381). Những người nhập cư không giấy tờ như Lalla hay Rachel có thể dễ dàng khoác lấy một danh tính không thật: Lalla bịa ra họ Hawa, Rachel lấy họ Crosley. Ở Seoul, Salomé thích dùng biệt danh hơn tên thật, còn Frederick Pak mang họ Jo, nhưng không cho Bitna địa chỉ hay số điện thoại. Nỗi ám ảnh danh tính thật ra không phải riêng ở Le Clézio. Một nhà văn Pháp khác, Modiano, từng thể hiện "*sự vô danh của thành phố lớn*" (2007/2014, p.18) trong nhiều tác phẩm của mình. Nhưng khác với Paris trong thời Chiếm đóng của Modiano, nơi tình trạng vô danh được coi như chốn trú ẩn, trong những đô thị hiện đại của Le Clézio, vô danh gần như đồng nghĩa với không hiện hữu.

Tình trạng tạm bợ vô danh của đô thị là nguy cơ xóa nhòa hiện hữu con người nhưng chính tình trạng ấy cũng là cơ hội để con người thoát khỏi những ràng buộc. Ở Cư xá, Lalla phải sống chung với gia đình dì, bị được sắp xếp một cuộc hôn nhân. Cô cố gắng vượt thoát nhưng không thành. Chỉ khi đến Marseille, cô mới tìm được chỗ ở riêng, dẫu đó chỉ là một phòng áp mái tồi tàn trong khách sạn. Cô còn tìm được một công việc để kiếm được tiền của riêng mình và có thể dùng theo ý thích. Nhờ sự đông đúc của Seoul, Bitna có thể tự do quan sát tất cả những người cô gặp. Nhờ hoàn cảnh tạm bợ, cô có thể cắt đứt ràng buộc với những người họ hàng thực dụng, để "*tôi cảm thấy, lần đầu tiên trong đời, vô cùng tự do! Tôi không còn nghĩa vụ nào phải thực hiện với ai hết*" (Le Clézio, 2018/2021, p.137). Với Rachel, cuộc phiêu lưu qua những thành phố ở Pháp là điều kiện để cô gột rửa quá khứ không hạnh phúc, tạo tiền đề cho căn cước mới mang họ Crosley. Rachel hòa tan vào đám đông vô danh của đô thị để từ đó tái sinh với một cuộc đời mới. Tình trạng tạm bợ về căn cước mà các nhân vật của Le Clézio trải qua, những lần đổi chỗ ở, đổi mối quan hệ, thậm chí đổi tên họ, cũng chính là điều kiện sống của một bộ phận không nhỏ cư dân đô thị thế kỷ XXI: Những người di cư, lao động tự do, người trẻ liên tục dịch chuyển giữa các thành phố, với những hình thức cư trú ngắn hạn như thuê trọ theo tuần, theo tháng hay sống chung (*co-living*).

[1]Trích tác phẩm *Người đàn bà không danh tính*, in trong tuyển tập *Bão* (2014).

3.3. Sinh tồn đô thị: Tuân thủ và kháng cự

Đô thị vận hành theo cơ chế của tư duy lý tính, nhưng giữa nhịp điệu vận hành đó vẫn tồn tại khoảng trống đủ cho những kháng cự cá nhân. Nếu ở quan hệ xã hội và căn cước, đô thị đóng vai trò chủ động - định hình, chi phối, đôi khi áp đặt lên chủ thể - thì ở phương diện sinh tồn, vai trò của con người trở nên rõ rệt hơn. Chính chủ thể, bằng những chiến thuật cá nhân, chủ động khai mở khoảng trống vốn có nhưng hiếm khi tự hiện diện trong cấu trúc đô thị.

Khi không thể phá vỡ cộng đồng tạm trong phòng khách, Ethel lách khỏi nó bằng cách đi đến chỗ ngôi nhà màu tía và khu vườn của mình, dành thời gian cho tình bạn với Xénia, cho mối quan hệ với Laurent, hoặc "*lánh vào bếp nơi cô hầu Ida đang rửa bát đĩa, em giúp cô lau chùi và sắp những chiếc đĩa thành hàng*" (Le Clézio, 2008/2011, p.97). Cô tạo ra khoảng trống riêng, chú tâm vào những điều cô tin là quan trọng. Nhờ đó, Ethel giữ được sự vững vàng để chống đỡ gia đình Brun giữa chiến tranh. Ở Marseille, Lalla lách khỏi trạng thái lạc loài đứt gãy bằng cách kết giao với thằng bé Radicz, thỉnh thoảng có tiền lại mua vài trái cam ngon cho ông lão có gương mặt bị ăn mòn, đến sân xem anh chàng da đen chơi đá banh nhưng không nói là đã đến để anh ta tiếp tục rủ rê, quan sát những người đi bộ, và đi bộ thật xa đến tận biển để tạm thời thoát khỏi cảm giác phi-nơi chốn. Bằng cách "lách luật", nhân vật duy trì chủ thể tính.

Với hầu hết nhân vật đô thị của Le Clézio, đi bộ là thực hành không thể thiếu. Trong khi giao thông đô thị chú trọng tốc độ và điểm đến chính xác, những người đi bộ của Le Clézio lại lang thang không mục đích. Không đi để đến, họ đi để cảm nhận. Giữa đô thị phi-nơi chốn, hành động đi bộ mang ý nghĩa như một nỗ lực nơi chốn hóa. Người đi bộ tạo sự quen thuộc cho không gian vốn không quen thuộc. Bằng cách đi và cảm nhận, họ biến đổi không gian được quy hoạch của đô thị thành không gian gắn với trải nghiệm cá nhân (de Certeau, 1980/1984, p.93). Rachel lách khỏi trạng thái trôi dạt bằng cách "*ban ngày tôi đi bộ sớm qua các con phố*" (Le Clézio, 2014/2017, p.170), trong khi Bitna "*tản bộ trên các con phố, hoặc làm những chuyến đi dài bằng xe buýt và tàu điện ngầm*" (Le Clézio, 2018/2021, p.10). Nhân vật tận dụng chính những không gian đã bị chia cắt đến nỗi chỉ còn là chức năng như con phố, trạm xe buýt hay ga tàu điện để vẽ một bản đồ đô thị cho riêng mình, để đô thị phi-nơi chốn có những điểm mốc riêng của họ.

Thực hành lao động cũng thể hiện cả hai khía cạnh tuân thủ và kháng cự. Họ lao động để kiếm tiền, nhưng cũng để kiếm cảm giác về sự tồn tại của chính mình và của thế giới. Khi dọn phòng, Lalla chú ý đến từng món đồ vặt vãnh trong từng căn phòng: "*Lalla nhìn tất cả những thứ đó hồi lâu, cô cầm những món đồ ấy trong đôi bàn tay ẩm ướt của mình, cô nhìn những báu vật mong manh đó như thể cô đang mơ mộng, như thể cô sắp bước được vào vũ trụ của những tấm ảnh hỗn độn kia, gặp lại âm thanh của những giọng nói, những tiếng cười, thoáng thấy ánh sáng trong những nụ cười*" (Le Clézio, 1980/2010, p.344). Trong đô thị thừa mứa những kích thích, sự chú ý là một điều xa xỉ. Nhưng Lalla không chỉ ghi nhận hiện diện của sự vật mà còn trao cho chúng những câu chuyện, ký ức và cảm xúc. Công việc từ đó mang ý nghĩa kết nối, như một cánh cửa mở vào cuộc sống của người khác, dù chỉ trong tưởng tượng. Với Bitna, công việc kể chuyện cho Salomé không có lịch trình cố định, sản phẩm cụ thể hay KPI cần đạt, đối lập với tất cả những gì thuộc về logic. Trong khi kể, Bitna tái cảm nhận sự hiện diện của cô. Bằng chính thực hành lao động tạo giá trị cho người thuê, người được thuê đồng thời tạo một giá trị khác cho riêng mình.

Hoạt động nghệ thuật đời thường là một hình thức tuân thủ - kháng cự khác. Khi Lalla trở thành người mẫu ảnh, cô "*mang đến cho hắn* [người chụp hình] *hình dáng của cô, hình ảnh của cô, không gì khác*" (Le Clézio, 1980/2010, p.414). Rachel diễn kịch ở trung tâm văn hóa Malraux. Bitna kể chuyện, công việc thấp thoáng màu sắc *Nghìn lẻ một đêm*, nhưng hình thức của nó có thể truy về sớm hơn, qua hình ảnh những người hát rong nguyên thủy. Nghệ thuật giúp chống lại nhịp sống lý tính vốn thống trị đô thị. Bằng những bức ảnh trên tạp chí, Lalla chống lại tình trạng không hiện hữu. Việc kể chuyện giúp Bitna duy trì cảm giác được lắng nghe và kết nối. "*Người duy nhất tôi muốn gặp lại, đó là Salomé [...] bởi cô có cách lắng nghe như thể uống lấy lời tôi nói*" (Le Clézio, 2018/2021, p.40). Cô tìm thấy ý nghĩa trong công việc, "*khi đến trước cửa tòa nhà Salomé, tôi có cảm giác định mệnh của tôi chính là mang lại cho Salomé niềm vui sống*" (Le Clézio, 2018/2021, p.43). Trong studio của Salomé, thực hành kể chuyện mang dáng dấp của một nghi lễ nơi mọi chi tiết đều mang nghĩa, khắc phục cái trống rỗng mà "*sự biến mất của nghi thức*" để lại trong đời sống hiện đại. Rachel tìm lại cảm giác khi diễn, "*tôi thích khán phòng chìm trong bóng tối, sân khấu tràn*

ngập ánh sáng và để cho âm nhạc lướt trôi" (Le Clézio, 2014/2017, p.165). Qua hành động kể hay biểu diễn của nhân vật, truyền thống nghệ thuật truyền khẩu dân gian có cơ hội tái sinh và xâm nhập vào hệ thống văn bản vốn kiểm soát sự vận hành của đô thị hiện đại. Lao động kiếm sống theo nghĩa vật chất của nhân vật đồng thời là những nỗ lực sinh tồn theo nghĩa tinh thần. Họ không hoàn toàn thoát khỏi cấu trúc quyền lực hay logic vận hành của đô thị, nhưng đô thị cũng không triệt tiêu hoàn toàn chủ thể. Khía cạnh kháng cự trong hành động của nhân vật, dù tự phát hay tự giác, đều đạt hiệu quả trì hoãn áp lực đô thị, tạo khoảng "lệch nhịp" nơi những gì thuộc về cá nhân có cơ hội cất tiếng. Qua đó, nhân vật tái lập kết nối, tái tạo ý nghĩa để đời sống đô thị trở nên dễ chịu hơn.

4. Kết luận

Trong tiểu thuyết Le Clézio, con người đô thị hiện lên với những đối cực sâu sắc trong quan hệ xã hội, căn cước và thực hành sinh tồn - những đối cực vận hành theo cơ chế riêng nhưng luôn đan cài vào nhau: kết nối không đồng nghĩa với gắn bó, tự do luôn đi kèm bất định, hiện diện giữa đám đông nhiều khi chỉ làm đậm thêm cảm giác vô danh lạc loài. Tuy nhiên, Le Clézio không nhìn đô thị như một thế lực áp chế tuyệt đối hay đối lập hoàn toàn với thiên tính con người. Dù thuộc nhóm yếu thế và không thể thay đổi logic vận hành của đô thị, các nhân vật của ông vẫn tìm ra những chiến thuật cá nhân trong đời sống thường nhật để kháng cự, tạo khoảng trống cho sự tồn tại của mình. Sự phức tạp ấy không chỉ là đặc trưng nghệ thuật riêng của Le Clézio mà còn phản chiếu chính xác đời sống con người trong các đô thị toàn cầu hôm nay, nơi kết nối số hóa gia tăng nhưng cô đơn cũng gia tăng tương ứng. Đô thị trong tiểu thuyết Le Clézio vì thế hiện lên như một không gian nghịch lý: Vừa sản sinh đứt gãy vừa mở ra khả thể kết nối, vừa thúc đẩy phi cá nhân hóa vừa cho phép con người tái khẳng định dấu vết hiện diện của mình.

Tài liệu tham khảo

Augé, M. (1995). *Non-Places: An Introduction to Supermodernity* (Howe, J. Trans.). Verso. (First published in 1992).

Bauman, Z. (2000). *Liquid Modernity*. Polity Press.

Bulmer, M. (1984). *The Chicago School of Sociology: Institutionalization, diversity, and the rise of sociological research*. University of Chicago Press.

De Certeau, M. (1984). *The practice of everyday life*. University of California Press. (First published in 1980).

Han, B-C. (2025). *Sự biến mất của nghi thức* (Trần Anh Tuấn dịch). Hồng Đức. (Xuất bản lần đầu năm 2019).

Hoàng, T. T. (2014). *Nghệ thuật tự sự trong Sa mạc của J-M.G. Le Clézio* [Luận văn Thạc sĩ]. Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQG Hà Nội.

Le Clézio, J-M.G. (2010). *Sa mạc* (Huỳnh Phan Anh dịch). Văn học. (Xuất bản lần đầu năm 1980).

Le Clézio, J-M.G. (2011). *Điệp khúc cơn đói* (Bằng Quang dịch). Văn học. (Xuất bản lần đầu năm 1980).

Le Clézio, J-M. G. (2017). *Bão* (Nhóm dịch giả dịch). Văn học. (Xuất bản lần đầu năm 2014)

Le Clézio, J-M. G. (2021). *Bitna dưới bầu trời Seoul* (Ngô Diệu Châu dịch). Văn học. (Xuất bản lần đầu năm 2018).

Martin, B. (2012). *The Fiction of J-M.G. Le Clézio: A Postcolonial Reading*. Peter Lang.

Modiano, P. (2014). *Ở quán cà phê của tuổi trẻ lạc lối* (Trần Bạch Lan dịch). Văn học. (Xuất bản lần đầu năm 2007).

Nguyễn, T. B. (2006). *Những cuộc hành trình trong tiểu thuyết của Jean-Marie Gustave Le Clézio* [Luận án Tiến sĩ]. Viện Văn học.

Nguyễn, T. B. (2010). Những đổi mới kỹ thuật miêu tả không gian tiểu thuyết Pháp hiện đại. *Tạp chí Khoa học ĐHQG Hà Nội: Ngoại ngữ, 26*, 22-35.

Nguyễn, T. H. (2018). *Kiểu nhân vật cô đơn lạc loài trong tiểu thuyết Sông của Nguyễn Ngọc Tư và tiểu thuyết Sa mạc của Le Clézio* [Luận văn Thạc sĩ]. Đại học Thái Nguyên.

Nobel Prize Outreach. (2026). *The Nobel Prize in Literature 2008*. NobelPrize.org. https://www.nobelprize.org/prizes/literature/2008/summary/

Simmel, G. (1950). The metropolis and mental life. In K. Wolff (Trans.). *The sociology of Georg Simmel* (409-424). Free Press. (First published in 1903).

Trần, T. T. (2019). *Đặc điểm của tiểu thuyết viễn du trong tiểu thuyết Sa mạc của J-M.G. Le Clézio* [Luận văn Thạc sĩ]. Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQG Hà Nội.

Triệu, T. C. (2017). *Hình tượng người phụ nữ trong truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio* [Luận văn Thạc sĩ]. Đại học Thái Nguyên.

Tuan, Y-F. (1977). *Space and Place The Perspective of Experience*. University of Minnesota Press.

Wilson, B. (2023). *Metropolis Lịch sử phát triển đô thị, phát minh lớn nhất của loài người* (Hoàng Đức Long dịch). Thế giới. (Xuất bản lần đầu năm 2020).

URBAN POLARITIES IN THE NOVELS OF J-M. G. LE CLÉZIO

Le Nguyen Nguyen Thao

University of Social Sciences and Humanities, Viet Nam National University Ho Chi Minh City

Corresponding Author: Le Nguyen Nguyen Thao - Email: lenguyennguyenthao2908@gmail.com

Article History: Received on 29th May 2026; Revised on 21st June 2026; Published on 25th June 2026

Abstract: The city is an image laden with profound contradictions in the novels of J-M.G. Le Clézio, yet approaches that examine the city as a distinctive image in the writer's work remain limited. Drawing on textual analysis combined with an interdisciplinary theoretical framework from urban sociology (Simmel, Bauman), humanistic geography (Tuan, Augé), and practical philosophy (de Certeau), this paper seeks to elucidate the polarities of urban human life across three dimensions: social relations, identity, and practices of survival, based on an analysis of four works by Le Clézio translated into Vietnamese: *Désert* (1980), *Ritournelle de la faim* (2008), the novella *Une femme sans identité* ("*A Woman with No Identity*," from the 2014 collection *Tempête*), and *Bitna, sous le ciel de Séoul* (2018; published in English as *Bitna, Under the Sky of Seoul*). The findings show that the city simultaneously opens up new social connections and produces ruptures in relationships; this fragile social fabric leaves urban subjects in a state of identity precarity while also granting them the freedom to reconstruct themselves; and in their everyday struggle for survival, they both comply with the city's instrumental rationality and find spaces of resistance within it. The paper contributes a new approach to the study on Le Clézio's work, while also revealing the contemporary relevance of his urban vision.

Key words: urban polarities; urban social relations; urban identity; urban survival; Le Clézio.